

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-UB ngày 28/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-MTg ngày 04/10/2001 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hoá phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư công trình Điều chỉnh - Bổ sung - Hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 620 giường bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hạng mục công trình nhà cận lâm sàng - Chuẩn đoán hình ảnh - Hội trường thuộc Dự án Điều chỉnh - Bổ sung - Hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án ĐTXD công trình Khoa quốc tế - Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 50 giường bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 15/06/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khoa Nội A và Trung tâm huyết học - Truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 200 giường bệnh;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 370/CV-BVĐKT-BQLDA ngày 28/02/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Bệnh viện Thanh Hoá tại phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 181/TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Số 181, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- 1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 747/SYT-GPHĐ ngày 05/5/2016 do Sở Y tế cấp.
- 1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.
- 1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
 - Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 66.076,0 m².
 - Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Công suất hoạt động: 1.200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu quản lý về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh có trách nhiệm:
 - 2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiếu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải y tế theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 30 tháng 3 năm 2023 đến ngày 30 tháng 3 năm 2033).

Các giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 55/GXN-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 185/GP-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VÀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, y, bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám. Lưu lượng phát sinh là 514,9 m³/ngày.đêm. Thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh. Lưu lượng phát sinh 51 m³/ngày.đêm. Thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.3. Nguồn số 3: Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Lưu lượng phát sinh là 2,2 m³/ngày.đêm. Thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả nước thải: Mương thoát nước thải chung của thành phố (Dọc theo đường Đại lộ CSEDP phía Nam bệnh viện).

Toạ độ vị trí cửa xả nước thải của Bệnh viện (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X= 2187761 (m); Y= 580822 (m).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 570 m³/ngày.đêm

2.3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy tràn và kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4. Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường bảo đảm đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa cho phép QCVN 28:2010/BTNMT/ BTNMT (Cột B, k=1)	Tần suất quan trắc
1	pH	-	6,5 – 8,5	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	

3	COD	mg/l	100	3 tháng/ lần
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Tổng Coliform	MPN/ 100 ml	5.000	
13	Salmonell1	VK /100ml	KPH	
14	Shigella	VK /100ml	KPH	
15	Vibrio cholerae	VK /100ml	KPH	

* **Ghi chú:** “KPH”: Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Nước mưa chảy tràn trên mái và sân, đường nội bộ → Rãnh thoát nước mưa B400, B600 có bố trí 102 hố ga (trên hệ thống rãnh thoát nước mưa) lắng cặn → mương thoát nước mưa của thành phố trên tuyến đường Đại lộ CSEDP.

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh phòng bệnh thu gom qua hố ga sau đó theo đường ống nhựa PVC D165; D200, D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế → Ống thoát nước đứng bằng nhựa PVC D110 → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 700 m³/ngày.đêm: Nước thải bệnh viện (gồm: Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, nước rửa sàn, vệ sinh thiết bị...) → Ngăn tách rác, cát → Bể điều hòa → Cụm thiết bị hợp khối (gồm: Bể hiếu khí có vật liệu đệm di động → Bể tách nước tuần hoàn → Ngăn lọc sinh học → Ngăn khử trùng) → Ngăn thu nước sau xử lý → Hệ thống thoát nước thải chung của TP Thanh Hóa. Bùn dư được thu gom về bể chứa bùn.

- Công suất thiết kế: 700 m³/ngày.đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống, nhanh chóng khắc phục hệ thống. Nếu 1 trong số 7 modul xử lý bị hỏng thì nước thải sẽ được tập trung xử lý ở các modul còn lại. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, nước thải được bơm quay vòng lại để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải do đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 55/GXN-UBND ngày 12/4/2022 (là giấy phép môi trường thành phần).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành Trạm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Bệnh viện theo quy định của pháp luật.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /3/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 180 KVA, lưu lượng khí thải lớn nhất là 1.000 m³/giờ.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 1.250 KVA, lưu lượng khí thải lớn nhất là 5.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải số 01: Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X= 2187747 (m); Y = 0580775 (m).

- Vị trí xả thải số 02: Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X= 2187762 (m); Y = 0580786 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng).

2.4. Chất lượng khí thải vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19: 2009/BTNMT với hệ số kp = 1, hệ số kv = 0,6 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
2	CO	mg/Nm ³	600	
3	NO _x	mg/Nm ³	510	
4	SO ₂	mg/Nm ³	300	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Hoạt động khám chữa bệnh tại các khu nhà chức năng: Lắp đặt quạt thông gió, quạt hút mùi, chụp hút mùi.

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng: Khí thải của máy phát điện dự phòng khi hoạt động nhà sản xuất đã tích hợp hệ thống xử lý khí thải động cơ diesel trong hệ thống ống thoát khí thải động cơ kèm theo máy để đảm bảo khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đã tích hợp trong hệ thống ống thoát khí thải của động cơ diesel kèm theo máy → Ống khói → Môi trường.

1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

1.3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /3/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa).*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các điểm tiếp xúc giữa động cơ, máy bơm và sàn đặt máy có độ rung lớn được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /3/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng chất thải (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	100,0	16 01 06
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	25,0	17 02 03
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (can nhựa đựng hóa chất)	150,0	18 01 03
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	20,0	18 02 01
5	Pin, ắc quy thải	100,0	16 01 12
Tổng số lượng		395	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	50.000
2	Chất thải y tế thông thường sau xử lý	200.000
Tổng khối lượng		250.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân	439,2
Tổng khối lượng		439,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích từ 5 - 240 lít.
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Nhà xử lý chất thải nguy hại có diện tích 32 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích từ 5 - 660 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Nhà tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 30 m².
- Nhà lưu giữ chất thải rắn tái chế có diện tích 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn.

2.3. Chuyển giao chất thải

Chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải;

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /3/2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.